

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Lê Trung Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021; Thông báo dời phiên tòa số 51/TB-TA ngày 19/7/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 63/TB-TA ngày 18/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1990 (Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 482 ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lê Thành D**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 482 ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Con từ đủ 7 tuổi trở lên:

1/ Em Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2008 (Có đơn xin vắng mặt).

2/ Em Lê Nhật H, sinh ngày 04/02/2010 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 482 ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 04 tháng 4 năm 2021, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/7/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D cưới nhau năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã cùng nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc từ đó dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn cùng ông Lê Thành D .

- Về con chung: Bà và ông Lê Thành D có 02 người con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 04/02/2010 hiện đang sống cùng ông D, khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Lê Thành D* : Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Vào ngày 07/6/2021 ông Lê Thành D có đơn xin xét xử vắng mặt ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

Đối với em Lê Thị Anh T và Lê Nhật H tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2021 thì các em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì em được tiếp tục sống với cha là ông Lê Thành D.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Lê Thành D chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Lê Thành D đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông D đã được triệu tập xét xử và ông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lê Thành D. Về con chung tiếp tục giao cháu Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 04/02/2010 cho ông Lê Thành D nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con do ông D không có yêu cầu nên Bà C không phải cấp

dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D có đơn xin xét xử vắng mặt áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D cưới nhau năm 2007 ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2013 ngày 30/7/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì Bà C, ông D sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi vã cùng nhau do ông D không lo cho gia đình, không yêu thương quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng sống không có hạnh phúc dẫn đến Bà C đã sống ly thân cùng ông D từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa Bà C và ông D đã không hạnh phúc dẫn đến Bà C và ông D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay cũng đã lâu nhưng Bà C và ông D không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Bà C và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D có 02 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 04/02/2010, hiện đang sống với ông Lê Thành D. Khi ly hôn Bà C đồng ý nhường quyền nuôi các con tên Lê Thị Anh T và Lê Nhật H cho ông D nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi bà Nguyễn Thị C và ông Lê Thành D sống ly thân cùng nhau đến nay thì cháu Lê Thị Anh T và Lê Nhật H sống chung cùng ông D, Bà C cũng đồng ý để em Lê Thị Anh T và Lê Nhật H được tiếp tục sống cùng ông D đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2021 thì các em Anh T và Nhật H có nguyện vọng được sống cùng ông D nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của các em Anh T và Nhật H không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của các em nên cần tiếp tục giao em Lê Thị Anh T và Lê Nhật H cho ông Lê Thành D được quyền tiếp tục nuôi đến đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Ông Lê Thành D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lê Thành D.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Thành D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2008 và Lê Nhật H, sinh ngày 04/02/2010 đến đủ 18 tuổi; bà Nguyễn Thị C được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008175 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Bà C đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Nhiệm**